

Bản án số: 46/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 24/9/2024

V/v: Ly hôn, tranh chấp về con chung

## NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM THÀNH, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Bích.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hứa Thị Hương và bà Đỗ Thị Ái Thương

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Bảy - Thư ký Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Vũ Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Kim Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 114/2024/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXX-ST ngày 21 tháng 8 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2024/QĐST-HNGĐ ngày 06/9/2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Đặng Thị S, sinh năm 1987. Địa chỉ cư trú: thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Đức N, sinh năm 1983. Địa chỉ cư trú: thôn L, xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Đặng Thị S trình bày: Chị và anh N được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn vào ngày 05/4/2008 tại UBND xã Đ, huyện K. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc được khoảng 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng là do hai bên không hợp nhau về tính tình, thường xuyên bất đồng quan điểm sống. Ngoài ra,

do anh N thường xuyên uống rượu về nhà chửi bới đánh đập chị nhiều lần. Lần đầu vào tháng 4/2023, anh N đánh chị nên chị phải về nhà bố mẹ đẻ ở. Sau đó, do nghĩ đến con chị lại quay về chung sống với anh N nhưng chưa được 20 ngày anh N lại tiếp tục đánh đập chị. Lần này, chị đã gọi điện cho mẹ chị sang đón chị về và không về chung sống với anh N nữa. Từ khi chị về nhà bố mẹ chị ở, anh N không gọi điện hay sang tìm đón chị về để vợ chồng đoàn tụ và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 11/2023 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị S xét thấy thực sự tình cảm vợ chồng giữa chị và anh N không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho ly hôn để giải phóng cho đôi bên khỏi giằng buộc.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/8/2024, bị đơn anh Nguyễn Đức N trình bày: Anh và chị S được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện K, tỉnh Hải Dương vào ngày 05/8/2008. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn nhưng chủ yếu va chạm nhỏ. Đến tháng 9/2023 thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn lớn. Nguyên nhân là do chị S cho con trai đi chơi không nói với anh và làm cháu bị ngã gãy xương bả vai nên dẫn đến anh có đánh chị S. Sau đó, chị S đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở được khoảng 3 tuần sau thì chị S tự quay về. Nhưng từ khi chị S về nhà, chị S đã ăn riêng, ở riêng chứ không ăn, ở cùng anh. Từ đó, giữa anh và chị S không nói chuyện với nhau, cơm ai người đó ăn, việc ai người đó làm. Đến ngày 22/10/2023 do vợ chồng lại xảy ra mâu thuẫn nên anh chửi chị S, sau đó chị S được em trai đưa về nhà bố mẹ đẻ ở. Từ khi chị S về nhà bố mẹ đẻ ở anh không đi tìm hay gọi điện liên lạc gì với chị S, vợ chồng đã sống ly thân từ đó không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng với chị S vẫn còn, chị S xin ly hôn anh không nhất trí. Nếu chị S vẫn cương quyết xin ly hôn anh thì đó là quyền của chị S, anh đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Đặng Thị S và anh Nguyễn Đức N đều xác định vợ chồng có 5 con chung là Nguyễn Tiến D, sinh ngày 05/02/2009, Nguyễn Tiến H, sinh ngày 22/11/2024, Nguyễn Thanh T, sinh ngày 24/8/2015, Nguyễn Đức D1, sinh ngày 17/8/2018, Nguyễn Quốc C, sinh ngày 11/12/2022. Hiện chị S đang trực tiếp nuôi con nhỏ nhất, anh N đang trực tiếp nuôi 4 con lớn. Nay quan điểm của chị S là xin được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Đức D1 và Nguyễn Quốc C. Còn 3 cháu lớn là Nguyễn Tiến D, Nguyễn Tiến H và Nguyễn Thanh T đã lớn và đang do anh N nuôi dưỡng, các cháu đang học tại xã Đ chị đề nghị Toà án giao cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng.

Quan điểm của anh N là xin được trực tiếp nuôi cả 5 con chung và tự nguyện không yêu cầu chị S phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Đặng Thị S** và anh **Nguyễn Đức N** đều không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến: Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán và Hội đồng xét xử thực hiện đúng thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, Bị đơn không thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Về việc giải quyết vụ án: Quan điểm VKS đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho chị **Đặng Thị S** được ly hôn anh **Nguyễn Đức N**; Giao cho chị **S** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu **Nguyễn Đức D1** và **Nguyễn Quốc C**; Giao cho anh **N** được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là **Nguyễn Tiến D**, **Nguyễn Tiến H** và **Nguyễn Thanh T**. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào; Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết; Chị **S** phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh **Nguyễn Đức N** hiện đang cư trú tại **huyện K** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương. Chị **Đặng Thị S** là nguyên đơn có đơn đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt, anh **Nguyễn Đức N** là bị đơn được Toà án triệu tập hợp lệ 2 lần vẫn vắng mặt. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt chị **S** và anh **N**.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị S1** và anh **Nguyễn Đức N** kết hôn trên tinh thần tự do tìm hiểu và tự nguyện đi đến hôn nhân, được đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai bên đã xảy ra nhiều mâu thuẫn mà nguyên nhân chính là do không hợp nhau về tính tình, bất đồng quan điểm sống. Mặc dù anh **N** có quan điểm không nhất trí ly hôn, song anh **N** cũng thừa nhận vợ chồng nhiều lần xảy ra mâu thuẫn, anh có đánh chị **S1** nên 2 lần chị **S1** bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở và vợ chồng sống ly thân từ tháng 9/2023 đến nay không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Hơn nữa, quá trình Toà án giải quyết vụ án, anh **N** còn vắng mặt tại các buổi hoà giải, điều này cho thấy anh **N** đã bỏ mặc tình cảm vợ chồng chứ không mong muốn hàn gắn đoàn tụ. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị **S1** và anh **N** đã rơi vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu của chị **S1** xin được ly hôn anh **N** là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Xét yêu cầu xin được nuôi 2 con chung của chị **S1** và yêu cầu xin được trực tiếp nuôi cả 5 con chung của anh **N** thì thấy: Cháu **D1** và cháu **C** hiện còn nhỏ nên cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ. Còn cháu **D**, cháu **H** và cháu **T** đã lớn hiện ở cùng anh **N**, các cháu đang học tập ổn định tại **xã Đ** hơn nữa các cháu cũng đều có nguyện vọng xin ở với bố. Vì vậy, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, tránh làm xáo trộn cuộc sống của con chung khi bố mẹ ly hôn, cần giao cháu **Nguyễn Đức D1**, sinh ngày 17/8/2018 và cháu **Nguyễn Quốc C**, sinh ngày 11/12/2022 cho chị **S1** được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc. Giao cháu **Nguyễn Tiến D**, sinh ngày 05/02/2009, **Nguyễn Tiến H**, sinh ngày 22/11/2010, **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 24//8/2015 cho anh **N** được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Hai bên không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho nhau.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Đặng Thị S** và anh **Nguyễn Đức N** không yêu cầu giải quyết về tài sản chung và nợ chung nên không đặt ra việc giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **Đặng Thị S** là nguyên đơn khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu tiền án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 39 Bộ luật dân sự, khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị **Đặng Thị S**, cho ly hôn giữa chị **Đặng Thị S** và anh **Nguyễn Đức N**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Đặng Thị S** được trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Nguyễn Đức D1**, sinh ngày 17/8/2018 và **Nguyễn Quốc C**, sinh ngày 11/12/2022; Giao cho anh **Nguyễn Đức N** được trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc con chung là **Nguyễn Tiến D**, sinh ngày 05/02/2009, **Nguyễn Tiến H**, sinh ngày 22/11/2010, **Nguyễn Thanh T**, sinh ngày 24/8/2015. Không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cho bên nào.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra việc giải quyết.

4. Về án phí: Chị **Đặng Thị S** phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Thành theo biên lai số 0002013 ngày 10 tháng 5 năm 2024. Chị **S** đã nộp đủ.

4. Quyền kháng cáo: Chị **S** và anh **N** được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết./.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKSND huyện Kim Thành;
- Chi cục THA Dân sự huyện Kim Thành;
- UBND xã Đại Đức, huyện Kim Thành (nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn);
- Lưu: Hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Thị Ngọc Bích**